

**Đọc kỹ hướng dẫn sử dụng trước khi dùng. Nếu cần thêm thông tin, xin hỏi ý kiến bác sĩ.
Thuốc này chỉ dùng theo đơn của bác sĩ.**

METROGYL

Thuốc tiêm METRONIDAZOL USP

Thành phần: Mỗi 100 ml chứa: metronidazol 500mg

Tá dược: Natri clorid, dinatri phosphat, acid citric, nước pha tiêm vd.

Dược lực học:

Metronidazol là một chất thuộc nhóm nitroimidazol có tính kháng khuẩn và động vật nguyên sinh. Nó có hoạt tính mạnh chống lại

Trichomonas vaginalis, Entamoeba histolytica và Giardia lamblia. Nó có tác dụng diệt khuẩn đối với các vi khuẩn ký khí gây bệnh, đặc biệt là Bacteroides spp. và Fusobacterium spp.

Dược động học:

Sau khi tiêm truyền tĩnh mạch (trong khoảng trên 20 phút) 500 mg metronidazol cho các bệnh nhân nhiễm khuẩn ký khí, nồng độ thuốc

trong huyết tương là 35,2 mcg/ml sau 1 giờ; 33,9 mcg/ml sau 4 giờ và 25,7 mcg/ml sau 8 giờ.

Thời gian bán hủy sau khi tiêm truyền tĩnh mạch một liều đơn là 6-7 giờ. Metronidazol ít liên kết với protein huyết tương. Nó dễ thẩm vào

các mô. Thuốc đạt được nồng độ diệt khuẩn ở hầu hết các mô và dịch cơ thể bao gồm não, dịch não tủy, các khoang áp xe, nước bọt, mật, dịch tiết âm đạo, dịch ối và sữa mẹ.

Metronidazol bị thải trừ ở người chủ yếu qua chuyển hóa do bị oxi hóa chuỗi bên, hydroxyl hóa hoặc liên hợp. Sau 24 giờ, lượng các chất chuyển hóa phát hiện được trong nước tiểu chiếm 35-65% liều dùng.

Chỉ định và sử dụng:

Thuốc tiêm metronidazol được chỉ định cho:

1. Điều trị các nhiễm khuẩn do Bacteroides fragilis và các chủng Bacteroides khác, Fusobacteria và cầu khuẩn ký khí trong :

- Các nhiễm khuẩn trong ổ bụng: viêm ruột thừa, viêm túi mật, viêm phúc nạc, áp-xe gan và nhiễm khuẩn vết thương sau phẫu thuật.

- Các nhiễm khuẩn phụ và sản khoa bao gồm viêm mô tế bào vùng chậu, viêm phúc mạc-chậu, nhiễm khuẩn hậu sản.

- Nhiễm khuẩn đường hô hấp: viêm phổi hoại tử, khí thũng phổi, áp-xe phổi.

- Nhiễm khuẩn hệ thần kinh trung ương: viêm màng não, áp-xe não.

- Các nhiễm khuẩn khác: nhiễm khuẩn huyết, loại thư sinh hơi, viêm tuy xương.

2. Dự phòng nhiễm khuẩn sau phẫu thuật do vi khuẩn ký khí.

3. Điều trị các áp-xe do amip ở gan và các trường hợp nhiễm amip ruột nặng.

Liều dùng và cách dùng: Để truyền tĩnh mạch.

Người lớn và trẻ em trên 12 tuổi:

Truyền tĩnh mạch 500mg(100ml), trong khoảng 20 phút với tốc độ 5ml/phút, 8 giờ một lần.

Trẻ em dưới 12 tuổi:

Tùy thuộc vào đánh giá lâm sàng và vi khuẩn học, bác sĩ sẽ quyết định thời gian điều trị. Lượng dịch truyền được xác định dựa vào cân

nặng (7,5 mg/kg). Tốc độ truyền và số lần dùng cũng như ở người lớn: khoảng 20 phút với tốc độ 5ml/phút, 8 giờ một lần. Cần chuyển sang thuốc uống khi có thể (200-400 mg x 3 lần/ngày).

Lưu ý: Không dùng các đồ uống có cồn khi đang điều trị với metronidazol.

Chống chỉ định:

1. Metronidazol chống chỉ định cho các bệnh nhân có tiền sử mẫn cảm với metronidazol hoặc các nitroimidazol khác.

2. Không dùng cho phụ nữ có thai và cho con bú trừ khi thực sự cần thiết.

Phụ nữ có thai:

Metronidazol qua hàng rào nhau thai khá nhanh, đạt được tỷ lệ nồng độ giữa cuống nhau thai và huyết tương mẹ là xấp xỉ 1. Mặc dù hàng

nghìn người mang thai đã dùng thuốc, nhưng chưa thấy có thông báo về việc gây quái thai. Tuy nhiên cũng có một số nghiên cứu đã thông báo nguy cơ sinh quái thai tăng khi dùng thuốc vào 3 tháng đầu của thai kỳ. Do đó không nên dùng trong thời gian đầu khi mang thai, trừ khi bắt buộc phải dùng.

Phụ nữ cho con bú: metronidazol bài tiết vào sữa mẹ khá nhanh, trẻ bú có thể có nồng độ thuốc trong huyết tương bằng khoảng 15%

nồng độ ở mẹ. Nên ngừng cho bú khi điều trị bằng metronidazol.

Ảnh hưởng đến khả năng lái xe hay vận hành máy móc: Nên thận trọng vì có khả năng gây chóng mặt, ngủ gà, lú lẫn, ảo giác, co giật...

Quá liều: Đã có báo cáo về một trường hợp uống 1 liều duy nhất tới 15g metronidazol, triệu chứng quá liều bao gồm buồn nôn, nôn và mất điều hòa. Tác dụng độc thần kinh gồm có co giật, viêm dây thần kinh ngoại biên đã được báo cáo sau 5 tới 7 ngày dùng liều 6-10,4g cách 2 ngày/lần. Trong trường hợp quá liều, phải áp dụng các biện pháp điều trị triệu chứng và điều trị hỗ trợ. Chưa có thuốc giải độc đặc hiệu.

Các tác dụng không mong muốn:

Các tác dụng bất lợi thường xảy ra với liều metronidazol dùng điều trị nhiễm Trichomonas và amip bao gồm chán ăn, buồn nôn, đau vùng bụng, nôn, chóng mặt, mệt mỏi và nước tiểu sẫm.

Các tác dụng bất lợi ít gặp hơn bao gồm mất điều hòa, đau đầu, giảm bạch cầu trung tính nhẹ và hồi phục được, vị kim loại, cảm giác bong rát ở âm đạo và đường tiêu, kích ứng dạ dày, tiêu chảy, đốm lưỡi. Bệnh thần kinh ngoại vi cũng đã xảy ra ở một bệnh nhân dùng metronidazol truyền để điều trị nhiễm khuẩn khí. Co giật kiệu động kinh nhẹ cũng đã được báo cáo ở vài bệnh nhân dùng liều cao metronidazol.

Tương tác thuốc:

1.Các tương tác đáng kể về lâm sàng giữa metronidazol và warfarin đã được báo cáo. Metronidazol làm kéo dài thời gian prothrombin.

Khuyên nên ngừng các thuốc chống đông máu dùng uống trước khi dùng metronidazol.

2.Dùng đồng thời metronidazol và disulfiram đã được báo cáo là gây rối loạn tâm thần cấp và tình trạng lú lẫn.

3.Khuyên không nên trộn thuốc tiêm metronidazol với bất kỳ thuốc nào khác.

Để xa tầm với của trẻ em. Không dùng thuốc quá hạn sử dụng.

Thông báo cho bác sĩ những tác dụng không mong muốn xảy ra khi sử dụng thuốc

Đóng gói: Hộp 1 lọ 100 ml

Bảo quản: dưới 30°C, tránh ánh sáng, không để đông lạnh.

Hạn dùng: 36 tháng kể từ ngày sản xuất.

Tiêu chuẩn: Nhà sản xuất



Sản xuất bởi: **UNIQUE PHARMACEUTICAL LABS.**

(A Div. of J.B.Chemicals & Pharmaceuticals Limited)

Plot No. 4, Phase IV, GIDC Industrial Area,

Panoli 394 116, Gujarat State, Ấn Độ

® Regd. Trade Mark